

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 12/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 16/12/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
1	26204335799	Hoàng Thị Minh	Anh	25/05/2001	Quảng Trị	30CYC3	8.7	6.3	Đạt	
2	28204455009	Lê Lan	Anh	23/09/2003	Đà Nẵng	31SBN8	5.3	3.0	Không Đạt	
3	28204800332	Nguyễn Cao Nam	Anh	04/11/2004	Quảng Ngãi	31CBN9	6.0	3.8	Không Đạt	
4	28214635729	Trần Văn	Anh	26/10/2004	Đà Nẵng	31SBN8	7.7	8.3	Đạt	
5	28205044390	Bùi Thị	Ánh	01/11/2004	Thừa Thiên H	31SBN8	8.3	9.0	Đạt	
6	28204504072	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	29/10/2004	Quảng Trị	31SSC7	6.3	7.5	Đạt	
7	28219406023	Phan Thị Như	Ánh	11/01/2004	Quảng Nam	31SSC7	10.0	6.3	Đạt	
8	26214334671	Lê Trọng	Bảo	03/11/2002	Thanh Hóa	31CSC9	6.7	8.3	Đạt	
9	28206204637	Thân Trần Thái	Châu	27/09/2004	Khánh Hòa	31TYC14	6.3	8.3	Đạt	
10	29214350646	Trần Thị Kim	Chi	17/11/2005	Quảng Ngãi	31CYC9	8.7	6.5	Đạt	
11	28212301527	Nguyễn Mạnh	Cường	27/10/2004	Bình Định	31CYC9	9.7	6.3	Đạt	
12	30215123837	Nguyễn Công	Danh	20/05/2004	Quảng Nam	31CSC9	6.0	1.0	Không Đạt	
13	28206602051	Lê Thị Huyền	Diệu	11/06/2004	Đà Nẵng	31THT13	6.3	6.5	Đạt	
14	28204601749	Nguyễn Thị Bích	Diệu	09/07/2004	Bình Định	31SSC6	8.3	5.8	Đạt	
15	28204641801	Bùi Thị Thanh	Dung	21/09/2004	Quảng Nam	31SBN8	9.7	5.5	Đạt	
16	27211302065	Dương Tiến	Dũng	24/11/2003	Đắk Lắk	31SBN8	0.0	0.0	Không Đạt	
17	28212750141	Hà Thanh	Dương	01/11/2004	Đà Nẵng	31CSC9	6.7	7.0	Đạt	
18	29204362493	Lê Hoàng Ánh	Dương	03/11/2005	Quảng Ngãi	31SSC7	9.0	5.8	Đạt	
19	28202704218	Võ Nguyễn Thùy	Dương	14/12/2004	Quảng Ngãi	31CSC9	9.7	7.0	Đạt	
20	28212706272	Nguyễn Long	Hải	12/09/2004	Quảng Nam	31SBN8	6.7	6.8	Đạt	
21	30206263097	Trịnh Nguyễn Thu	Hiền	22/03/2006	Đà Nẵng	31SBN8	8.7	6.8	Đạt	
22	28209341486	Nguyễn Thị Kim	Hoa	03/01/2004	Kon Tum	31CYC9	8.3	7.0	Đạt	
23	29204622953	Trương Mỹ	Hoa	02/03/2005	Bình Định	31SSC7	9.3	6.5	Đạt	
24	28219033947	Trần	Hoàng	31/01/2004	Đà Nẵng	31CSC9	10.0	5.5	Đạt	
25	28214334007	Trần Huy	Hoàng	21/03/2004	Đắk Lắk	31CSC9	6.3	9.3	Đạt	
26	28212306404	Lê Phạm Việt	Hưng	10/11/2004	Đắk Lắk	31TSC11	9.0	8.3	Đạt	
27	28206550385	Đinh Ngọc Minh	Hương	28/08/2004	Quảng Nam	31SSC5	6.0	6.0	Đạt	
28	28212340219	Huỳnh Đức	Huy	20/11/2004	Quảng Nam	31SSC7	0.0	0.0	Không Đạt	
29	28214502474	Lâm Quốc	Huy	24/10/2004	Phú Yên	31CSC9	3.3	3.5	Không Đạt	
30	28204603877	Lê Nhi	Huyền	29/03/2004	Quảng Bình	31CYC9	8.3	6.3	Đạt	
31	28206601644	Lê Thị Diệu	Huyền	20/04/2004	Hà Nam	31SSC7	9.0	6.5	Đạt	
32	28204525007	Phạm Thị Lệ	Huyền	14/02/2004	Đắk Lắk	31CSC9	4.7	4.0	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28218131517	Nguyễn Hoàng	Lân	14/05/2004	Đà Nẵng	31TBN13	7.7	5.0	Đạt	
34	28206500860	Trần Thị Nhật	Lệ	27/05/2004	Quảng Trị	31CSC9	8.7	5.4	Đạt	
35	28201143043	Nguyễn Thị	Liên	14/01/2004	Quảng Nam	31SSC7	10.0	9.8	Đạt	
36	28205147486	Lê Thị Ngọc	Linh	01/10/2004	Gia Lai	31SBN7	7.3	5.8	Đạt	
37	29207525911	Lê Thị Phương	Linh	28/05/2005	Gia Lai	31CSC9	9.3	7.3	Đạt	
38	28216251014	Nguyễn Quang	Lợi	08/06/2004	Quảng Nam	31CSC9	8.0	6.3	Đạt	
39	28213203923	Huỳnh Văn	Long	01/08/2004	Đăk Lăk	31SHT8	8.7	6.3	Đạt	
40	28214953812	Nguyễn Đức	Lượng	27/10/2004	Nghệ An	31CYC9	8.7	9.0	Đạt	
41	28206903434	Trần Thị Ngân	Lượng	29/04/2004	Phú Yên	31CYC9	9.3	4.1	Không Đạt	
42	28204352433	Trịnh Thị Cẩm	Ly	01/01/2003	Phú Yên	31CSC9	9.0	5.3	Đạt	
43	28213202513	Hoàng Văn	Mạnh	14/02/2004	Huế	31SHT8	10.0	5.8	Đạt	
44	28207102728	Lê Trần Huyền	My	01/01/2004	Đăk Nông	31TBN13	7.7	9.0	Đạt	
45	29206760053	Võ Thị Tiểu	My	06/06/2005	Quảng Ngãi	31TYC14	8.7	5.8	Đạt	
46	28204301913	Bùi Ngọc	My	28/11/2003	Gia Lai	31CSC9	7.3	5.0	Đạt	
47	28208035301	Trần Tuyết	Ngân	20/08/2004	Quảng Trị	31CYC9	9.7	6.5	Đạt	
48	29204648626	Nguyễn Thị Uyển	Nghi	16/05/2005	Gia Lai	31SSC7	9.3	8.3	Đạt	
49	29204656765	Dương Thị Hồng	Ngọc	26/03/2005	Bình Định	31SSC7	8.3	7.3	Đạt	
50	28212301170	Nguyễn Đình	Nguyên	15/05/2004	Đăk Lăk	31CYC9	9.3	8.0	Đạt	
51	28204606505	Phạm Thị Thảo	Nguyên	06/06/2004	Quảng Nam	31SBN8	3.7	6.0	Không Đạt	
52	29217357930	Nguyễn Văn Hữu	Nhân	18/06/2004	Quảng Ngãi	31CYC9	7.3	9.8	Đạt	
53	28212750396	Võ Văn	Nhân	04/01/2004	Huế	31SBN8	8.0	8.8	Đạt	
54	0942007951	Nguyễn Thị Linh	Nhi	30/09/2005	Quảng Nam	31CSC9	9.0	9.0	Đạt	
55	28204604069	Nguyễn Yến	Nhi	17/10/2004	Quảng Trị	31SSC7	4.7	0.0	Không Đạt	
56	29204627776	Trần Thị Quỳnh	Nhi	24/09/2005	Đà Nẵng	31SSC7	9.0	7.3	Đạt	
57	27202134279	Trần Yến	Nhi	25/10/2003	Quảng Nam	31TBN2	6.3	8.3	Đạt	
58	28204503365	Ngô Thị Quỳnh	Như	09/09/2004	Huế	31CYC8	9.7	6.0	Đạt	
59	28204648803	Trương Thị Cúc	Nhược	09/09/2004	Quảng Trị	31SBN8	9.3	6.8	Đạt	
60	27218631380	Hoàng Khang	Ninh	12/10/2003	Đà Nẵng	31SBN8	9.0	7.3	Đạt	
61	28206232186	Trương Thảo	Ny	08/06/2004	Đà Nẵng	31CSC9	8.7	6.0	Đạt	
62	28208101682	Dương Thị Hồng	Phấn	10/03/2004	Bình Định	31TBN13	7.3	6.8	Đạt	
63	28214505651	Nguyễn Duy Thắng	Phát	30/08/2003	Buôn Ma Thu	31CSC9	8.0	8.6	Đạt	
64	28214550888	Mai Diễm	Phúc	05/07/2004	Quảng Ngãi	31CSC9	9.0	6.3	Đạt	
65	29206558578	Mai Thị Thanh	Phúc	24/06/2005	Hà Tĩnh	31SSC7	7.3	6.0	Đạt	
66	28212300621	Nguyễn Thành	Phúc	18/11/2004	Quảng Ngãi	31CYC9	9.7	6.0	Đạt	
67	27211341893	Nguyễn Vĩnh	Phúc	15/04/2003	Quảng Nam	31SSC7	6.3	6.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	0792996783	Nguyễn Huy	Quân	03/06/2007	Hà Tĩnh	31CYC9	3.7	0.5	Không Đạt	
69	28218125464	Đào Sỹ	Quốc	21/06/2004	Đăk Lăk	31SBN8	9.7	5.3	Đạt	
70	28212336519	Nguyễn Công	Quý	07/09/2004	Quảng Nam	31TSC12	9.3	6.5	Đạt	
71	28209437326	Hứa Thị Lệ	Quyên	25/04/2004	Quảng Nam	31SBN8	4.7	5.3	Không Đạt	
72	28206205755	Nguyễn Ngọc Cẩm	Quyên	11/09/2004	Đà Nẵng	31SBN8	9.7	6.6	Đạt	
73	28209349962	Trần Hiếu	Quyên	22/05/2004	Quảng Ngãi	31SBN8	2.7	4.3	Không Đạt	
74	25203113827	Trần Hoàng	Quyên	26/03/1999	Đà Nẵng	31CSC9	0.0	0.0	Không Đạt	
75	28204154596	Lã Thị Như	Quỳnh	07/08/2004	Đà Nẵng	31SSC7	8.7	8.0	Đạt	
76	28204402809	Ngô Nguyễn Xa	Ri	09/10/2004	Quảng Ngãi	31CYC9	8.0	5.8	Đạt	
77	28212701404	Nguyễn Công	Tài	04/06/2004	Quảng Ngãi	31SBN8	9.0	6.3	Đạt	
78	28204553548	Đỗ Thị Thanh	Tâm	14/04/2005	Quảng Ngãi	31CSC9	8.0	6.5	Đạt	
79	28218003714	Hoàng Minh	Tâm	16/01/2004	Quảng Trị	31CSC9	0.0	0.0	Không Đạt	
80	040097014016	Phạm Quốc	Thăng	19/01/1997	Nghệ An	31SBN8	0.0	0.0	Không Đạt	
81	28211149087	Đoàn Sỹ	Thành	21/12/2004	Quảng Bình	31CYC9	10.0	6.3	Đạt	
82	28212700695	Nguyễn Lê Tiến	Thành	12/10/2004	Hồ Chí Minh	31CSC9	6.7	5.0	Đạt	
83	28206252562	Nguyễn Thị Phương	Thảo	04/06/2004	Nghệ An	31SHT5	9.0	8.3	Đạt	
84	30206254408	Võ Nguyễn Thu	Thảo	19/08/2006	Bình Định	31CYC9	9.7	7.3	Đạt	
85	28204550456	Nguyễn Thị Kim	Thuận	23/10/2004	Kon Tum	31CSC9	8.0	6.8	Đạt	
86	29206524591	Đoàn Lê	Thương	20/01/2005	Đà Nẵng	31SSC7	9.3	6.5	Đạt	
87	28204305947	Huỳnh Thị Như	Thương	28/07/2004	Phú Yên	31SBN8	8.7	5.3	Đạt	
88	28208005561	Nguyễn Thị Mai	Thúy	08/05/2004	Đăk Lăk	31SBN8	9.7	5.5	Đạt	
89	28206104807	Hồ Thủy	Tiên	02/08/2004	Quảng Bình	31SSC7	8.3	6.3	Đạt	
90	28204601139	Huỳnh Thị Thủy	Tiên	15/08/2004	Quảng Ngãi	31CYC9	9.3	6.8	Đạt	
91	28219449154	Nguyễn Khánh	Toàn	08/08/2004	Quảng Bình	31CBN9	7.3	7.8	Đạt	
92	30206254422	Nguyễn Thị	Trâm	10/07/2006	Bình Định	31CYC9	8.0	6.3	Đạt	
93	28206950773	Tán Ngọc Bảo	Trâm	13/08/2004	Đà Nẵng	31CYC9	9.3	8.0	Đạt	
94	29204354305	Lê Thị Hồng	Trình	10/02/2005	Bình Định	31CYC9	8.0	7.0	Đạt	
95	28204953876	Nguyễn Thị Mỹ	Trình	19/05/2004	Bình Định	31CYC9	10.0	7.8	Đạt	
96	28204301110	Nguyễn Trần Thuý	Trình	13/06/2004	Đà Nẵng	31CYC9	7.7	8.0	Đạt	
97	28214503234	Võ Đình	Trường	03/03/2004	Quảng Nam	31CSC9	7.0	9.5	Đạt	
98	28204637392	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	19/04/2004	Quảng Nam	31SSC7	8.3	8.3	Đạt	
99	28204601215	Huỳnh Thị Ánh	Tuyết	01/05/2004	Quảng Nam	31SBN8	9.3	7.3	Đạt	
100	28204601720	Nguyễn Thu	Uyên	14/09/2004	Đăk Lăk	31CYC9	9.0	9.5	Đạt	
101	30206226921	Trần Thanh	Vân	21/02/2006	Đăk Lăk	31SBN8	7.7	8.0	Đạt	
102	29212363465	Võ Công	Vinh	12/04/2005	Đà Nẵng	31SSC7	5.7	6.6	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
103	28206203583	Phan Thị Như Ý	16/08/2004	Quảng Nam	31CYC9	5.7	5.3	Đạt	
104	28204625044	Tăng Thị Hải Yến	07/10/2004	Hồ Chí Minh	31SBN8	4.0	5.3	Không Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh